

Bản án số: 08/2021/DS-PT
Ngày 28-01-2021
V/v tranh chấp đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Hạnh
Ông Lê Anh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2020/TLPT-DS ngày 15 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp đất đai.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2020/DS-ST ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 342/2020/QĐ-PT ngày 07 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2021/QĐ-PT ngày 18 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn B; cư trú tại: Thôn Đ, xã HP, huyện A, thành phố Hải Phòng. Có mặt

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Nguyễn Duy Ch; cư trú tại: Thôn ND 4, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 20 tháng 7 năm 2017). Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn K – Luật sư của Văn phòng Luật sư VHT thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng. Có mặt

- Bị đơn: Ông Nguyễn Duy N; cư trú tại: Thôn HL, xã HP, huyện A, thành phố Hải Phòng. Có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị M; cư trú tại: Thôn Đ, xã HP, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt

Người đại diện theo ủy quyền của bà M: Anh Nguyễn Duy C; cư trú tại: Thôn ND 4, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 13/6/2018). Có mặt

2. Anh Trần Văn T; vắng mặt

Người đại diện theo pháp luật của anh Trần Văn Tuấn: Ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị M.

3. Anh Trần Văn P; vắng mặt

4. Chị Trần Thị T; vắng mặt

Cùng cư trú tại: Thôn Đ, xã HP, huyện A, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện theo ủy quyền của anh Trần Văn T, anh Trần Văn P và chị Trần Thị T: Anh Nguyễn Duy C; cư trú tại: Thôn ND 4, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng (được ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 08/01/2020); có mặt

5. Bà Vũ Thị B1; cư trú tại: Thôn HL, xã HP, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Trần Văn B

- *Viện Kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trần Văn B trình bày: Theo quyết định số 567/QĐ-UB ngày 06 tháng 4 năm 2000 của UBND thành phố Hải Phòng về việc duyệt kế hoạch sử dụng và giao đất cho nhân dân làm nhà ở tại xã HP, huyện AH, thành phố Hải Phòng (nay là huyện A) năm 1999, đợt 1. Theo danh sách các hộ được giao đất thì có tên ông Trần Văn B số thứ tự 22, số lô 22 diện tích 150m² đất tại khu Nam Muong, xã HP. Ông Trần Văn B đã thực hiện nghĩa vụ được giao đất tại các phiếu thu tiền số 22 (không có ngày, tháng, năm) với số tiền 3.000.000đồng và phiếu thu tiền số 25 ngày 16 tháng 8 năm 2000 với số tiền 1.950.000đ; tổng cộng là 4.950.000đ. Khi thực hiện giao đất theo quyết định số 567/QĐ-UB nêu trên, do tại thôn Đ có người cùng họ, cùng tên với ông nên ông và vợ là bà Nguyễn Thị M không được Ban chỉ đạo thu tiền lệ phí cấp đất và giao đất, mời đến nhận đất mà lại báo ông Trần Văn B (vợ bà Vũ Thị N) đến nhận đất. Ban chỉ đạo đã giao cho ông Trần Văn B và bà Vũ Thị N (ông Trần Văn B vắng mặt nên vợ là bà Vũ Thị N đã nhận thay) diện tích đất 150m² tại khu xứ đồng 64 (xứ đồng Nam Muong), nay thuộc lô số 3, tờ bản đồ số 24 tại thôn Đ, xã HP, huyện A, thành phố Hải Phòng. Năm 2003, sau khi biết vợ chồng không thuộc diện được giao đất nên ông Trần

Văn B và vợ là bà Vũ Thị N đã giao diện tích đất lại cho vợ chồng ông quản lý, sử dụng, gia đình ông đã cấy lúa trên đất và đến năm 2008 thì đã tiến hành đổ đất, xây móng làm nhà thì ông Nguyễn Duy N ra ngăn cản không cho ông xây vì ông N cho rằng ông N đã được Ban chỉ đạo giao thừa đất này. Thực tế ông N không có tên trong danh sách các hộ được giao đất theo quyết định số 567/QĐ-UB của UBND thành phố Hải Phòng. Ông N đã được giao và đã nhận đất tại khu HL, xã HP theo quyết định số 315/QĐ-UB ngày 22 tháng 11 năm 1994 của UBND huyện AH; việc UBND xã HP đồng ý cho ông N chuyển đổi vị trí đất từ khu HL sang khu vực đất đang có tranh chấp khi ông N chưa nộp tiền sử dụng đất đầy đủ theo Quyết định 567/QĐ-UB là không đúng thẩm quyền. Khi tiến hành giao đất cho các hộ gia đình tại khu vực đất có tranh chấp, Ban chỉ đạo thu tiền lệ phí cấp đất và giao đất cho các hộ công dân của xã HP (được thành lập theo Quyết định số 23/QĐ-UB ngày 24 tháng 6 năm 2000 của UBND xã HP về việc cấp đất làm nhà ở cho công dân xã HP năm 2000) đã tiến hành theo phương pháp hộ đến trước giao trước, hộ đến sau giao sau; nguyên đơn ông Trần Văn B biết việc gia đình ông không được giao đất từ năm 2000 nên ông thắc mắc với UBND xã HP nhưng không được giải quyết. Ông B cũng không biết diện tích đất có tranh chấp do ai quản lý, sử dụng trong khoảng thời gian từ năm 2000 đến năm 2003. Sau khi được gia đình bà Vũ Thị N giao lại đất, ông B đã được ông Nguyễn Văn T - Nguyên Chủ tịch xã HP và ông Ngô Văn T - Nguyên Trưởng Ban Địa chính xã đồng ý giao bằng miệng cho gia đình ông B diện tích đất tranh chấp. Việc gia đình ông B không thực hiện nghĩa vụ nộp tiền thuê đất hàng năm là do không được thông báo của chính quyền địa phương;

Nguyên đơn ông Trần Văn B khởi kiện: Yêu cầu Tòa án công nhận việc giao đất trái thẩm quyền; giao cho nguyên đơn quản lý, sử dụng diện tích đất 150m² tại khu xứ đồng 64 (xứ đồng Nam Mương), nay thuộc lô số 3, tờ bản đồ số 24 tại thôn Đ, xã HP, huyện A, thành phố Hải Phòng.

Bị đơn ông Nguyễn Duy N trình bày: Năm 1994, ông N và vợ là bà Vũ Thị B được giao diện tích đất 150m² tại khu Nam Mương thuộc thôn HL, xã HP theo Quyết định số 988/QĐ-UB ngày 23 tháng 9 năm 1994 của UBND thành phố Hải Phòng và Quyết định số 315/QĐ-UB ngày 22 tháng 11 năm 1994 của UBND huyện An Hải (nay là A); ông N đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về tài chính với nhà nước. Sau khi nhận diện tích đất 150m² tại Khu Nam Mương thuộc thôn HL khoảng một tháng, ông N thấy diện tích đất được giao không thuận lợi cho sinh hoạt của gia đình nên ông đã trả diện tích đất được giao và đề nghị địa phương giao cho ông diện tích đất ở vị trí khác. (Diện tích đất gia đình ông được giao tại khu Nam Mương thuộc thôn HL địa phương đã giao lại cho gia đình ông Phạm Văn Thính, cư trú tại thôn HL, xã HP sử dụng). Năm 2000, khi UBND xã HP thực hiện giao đất cho các hộ dân theo Quyết định số 567/QĐ-UB ngày 06 tháng 4 năm 2000 của UBND thành phố Hải Phòng, ông N đã có văn bản đề nghị UBND xã HP giao đất cho ông tại địa điểm khác, UBND xã HP nhất trí và ông đã được Ban chỉ đạo

thu tiền lệ phí cấp đất, có giấy mời thông báo cho ông đến nhận đất cùng các hộ dân. Ban chỉ đạo đã trực tiếp đo và giao cho ông lô đất số 03, diện tích 150m², có vị trí phía đông giáp hộ bà Ngô Thị N, phía tây giáp hộ ông Nguyễn Văn P, phía bắc giáp đường 208, phía Nam giáp ruộng lúa (nay là lô số 03, tờ bản đồ số 24, xã HP). Sau khi được giao lô đất trên, ông N đã cho ông Trần Văn T ở thôn Đ cấy nhờ; đến năm 2003 thì cho ông Nguyễn Văn L cũng ở thôn Đ gieo mạ. Năm 2008, ông Trần Văn B đến san lấp và làm móng nhà trên đất của ông được giao nên đã xảy ra tranh chấp giữa hai bên. UBND xã HP đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng đều không có kết quả. Ông N đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trần Văn B vì diện tích đất trên đã được Ban chỉ đạo của xã HP giao cho ông N quản lý, sử dụng và ông đã thực hiện xong nghĩa vụ về tài chính với nhà nước. Việc ông Trần Văn B và người đại diện trình bày diện tích đất trên được Ban chỉ đạo giao cho vợ chồng ông Trần Văn B, bà Vũ Thị N để rồi giao lại cho nguyên đơn quản lý, sử dụng diện tích đất đang có tranh chấp là không đúng sự thật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M và người đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị M, anh Trần Văn T, Trần Văn P và Trần Thị T nhất trí với lời trình bày của nguyên đơn bổ sung lời trình bày là thời gian vợ chồng ông Trần Văn B vợ là bà Vũ Thị Ninh giao đất cho nguyên đơn không nhớ vào thời gian nào.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị B thống nhất với lời trình bày của bị đơn, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án số 10/2020/DS-ST ngày 15/8/2020 và Quyết định số 02/2020/QĐ-SCBSBA ngày 20/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện A đã căn cứ khoản 9, Điều 26; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 246, 600, 688 Bộ luật Dân sự năm 2005; các điều 115, 160, 161, 166, 235 và 240 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 23 và Điều 25 Luật đất đai năm 1993, sửa đổi năm 1998; các điều 99, 100, 101 Luật đất đai năm 2013; Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn B về việc đề nghị Tòa án công nhận việc giao đất trái thẩm quyền và đề nghị được giao quản lý, sử dụng diện tích đất 152,9m² đất thuộc lô số 3, tờ bản đồ số 24, thôn Đ, xã HP, huyện A, thành phố Hải Phòng. Kiến nghị với Ủy ban nhân dân huyện A, Ủy ban nhân dân xã HP xem xét, giải quyết để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trần Văn B, ông Nguyễn Duy N.

Ngày 18/8/2020, nguyên đơn ông Trần Văn B kháng cáo toàn bộ Bản án số 10/2020/DS-ST ngày 15/8/2020 Tòa án nhân dân huyện A.

Ngày 20/8/2020, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện A kháng nghị với nội dung: Theo Quyết định số 567/QĐ-UB ngày 08/4/2000 của UBND thành

phố Hải Phòng, ông B có tên trong danh sách được giao 150m² đất và đã thực hiện nộp tiền sử dụng đất 4.950.000đ UBND huyện An Hải không ra Quyết định giao đất theo danh sách, UBND huyện An Hải và UBND xã HP thực hiện việc giao đất không đúng đối tượng giao nhằm cho ông B có vợ tên là Ninh. Như vậy việc giao nhằm diện tích đất tranh chấp là do lỗi của UBND xã HP không phải là lỗi của nguyên đơn nhưng việc này đã được khắc phục bà Ninh biết là nhằm nên đã giao lại cho nguyên đơn năm 2003 nguyên đơn đã cấy lúa, năm 2008 đã làm móng nhà nên xảy ra tranh chấp như vậy nguyên đơn phải là người được quyền sử dụng đất đang tranh chấp theo Quyết định 567/QĐ-UB ngày 08/4/2000. Do vậy đề nghị Tòa cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:
Giữ nguyên nội dung kháng cáo, bổ sung đề nghị Tòa cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm công nhận diện tích 152,9m² đất tại khu xứ đồng 64 xứ đồng Nam Mương, nay thuộc lô số 03, tờ bản đồ số 24 tại thôn Đ, xã HP, huyện A, thành phố Hải Phòng thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 chấp nhận nội dung kháng nghị, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa Bản án số 10/2020/DS-ST ngày 05/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện A theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn giao cho hộ ông B, bà M sử dụng diện tích đất 152,9m² thuộc lô số 03, tờ bản đồ số 25 tại địa chỉ thôn Đ, xã HP, huyện A, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

- Về tố tụng:

[1]. Đây là tranh chấp đất đai, nguyên đơn đề nghị công nhận quyền sử dụng đất, đối tượng tranh chấp là đất tại thôn Đ, xã HP, huyện A thành phố Hải Phòng nên Tòa án nhân dân huyện A thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. theo khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và Điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự,

[2]. Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Văn B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị M đã từ chối không yêu cầu ông Tống Minh H là người đại diện theo ủy quyền. Do vậy Hội đồng xét xử không xác định ông Tống Minh H là người đại theo ủy quyền của ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị M.

- Về nội dung:

[3]. Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Văn B và nội dung kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện A đề nghị sửa bản án sơ thẩm công nhận và giao cho nguyên đơn ông Trần Văn B được quyền sử dụng sử dụng diện tích 152,9m² đất thuộc lô số 03 tờ bản đồ số 24, thôn Đ, xã Hồng Phòng, huyện A, thành phố Hải Phòng:

Nguyên đơn Trần Văn B và nội dung kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện A đưa ra căn cứ: Theo Quyết định số 567/QĐ-UB ngày 06/4/2000 của UBND thành phố Hải Phòng ông B có tên trong danh sách được giao diện tích 150m² đất có số thứ tự 22, lô 22 tại khu Nam Mương, xã HP. Ông B đã nộp số tiền 4.950.000đ. UBND huyện AH và UBND xã HP thực hiện việc giao đất không đúng đối tượng giao nhằm cho ông Trần Văn B vợ là Vũ Thị N là do lỗi của UBND xã HP, việc này đã được khắc phục bà Ninh biết là nhầm nên đã giao lại diện tích đất cho ông B và ông B đã sử dụng cấy lúa. Năm 2008, ông B đã xây móng nhà, ông Nguyễn Duy N đã ra ngăn cản không cho ông B xây là không có căn cứ;

Bị đơn ông Nguyễn Duy N không chấp nhận yêu cầu kháng cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện A vì: Khi có Quyết định số 567/QĐ-UB ngày 06 tháng 4 năm 2000 của UBND thành phố Hải Phòng về việc duyệt kế hoạch sử dụng và giao đất cho nhân dân làm nhà ở tại xã HP, huyện An Hải năm 1999 thì gia đình ông N đã được Ban chỉ đạo xã HP chấp nhận chuyển đổi diện tích đất tại khu Nam Mương thuộc thôn HL mà ông N đã được cấp năm 1994 theo Quyết định số 988/QĐ-UB ngày 23 tháng 9 năm 1994 của UBND thành phố Hải Phòng và Quyết định số 315/QĐ-UB ngày 22 tháng 11 năm 1994 giao cho gia đình ông N diện tích 152,9m² đất thuộc lô số 3 tờ bản đồ số 24, thôn Đ, xã Hồng Phòng ngoài thực địa. Quá trình sử dụng đất ông N đã cho ông Trần Văn T ở thôn Đ cấy nhờ. Từ năm 2000 đến năm 2003, ông N cho ông Nguyễn Văn L cũng ở thôn Đ gieo mạ trên thửa đất;

Hội đồng xét xử đánh giá như sau:

[4]. Theo Quyết định số 567/QĐ-UB ngày 06 tháng 4 năm 2000 của UBND thành phố Hải Phòng về việc duyệt kế hoạch sử dụng và giao đất cho nhân dân làm nhà ở tại xã HP, huyện AH năm 1999 (đợt 1). Điều II của Quyết định: *"1. Giao Ủy ban nhân dân huyện AH, điểm a: Ra quyết định giao đất cho từng hộ theo danh sách kèm theo quyết định này. 2.... Sau khi các hộ thực hiện nghĩa vụ tài chính, Ủy ban nhân dân huyện AH, Ủy ban nhân dân xã HP làm thủ tục, hoàn thiện hồ sơ địa chính và tổ chức thực hiện việc giao đất cho từng hộ ngoài thực địa."*

[5]. Quá trình thực hiện việc giao đất: Tại Báo cáo kết quả xác minh đất ngày 09/02/2009 và các tài liệu xác minh khác phù hợp với Công văn số

1097/UBND-TNMT ngày 16 tháng 9 năm 2019 của UBND huyện A, thể hiện: UBND huyện An Hải (nay là huyện A) không thực hiện đúng nội dung quyết định số 567/QĐ-UB nêu trên không ra Quyết định giao đất cho từng hộ dân theo danh sách phân lô mà lại giao cho UBND xã HP thực hiện. UBND xã HP đã ban hành Quyết định số 23/QĐ-UB ngày 24/6/2000 về việc cấp đất làm nhà ở cho công dân xã HP năm 2000 với nội dung thành lập Ban chỉ đạo thu tiền lệ phí cấp đất và giao đất cho các hộ công dân do ông Ngô Văn T - Trưởng ban địa chính xã HP làm Trưởng ban. Ban chỉ đạo có trách nhiệm thông báo kịp thời đến các đối tượng được giao đất có tên trong quyết định 567 nêu trên; thu tiền lệ phí cấp đất, ngoài giá quy định của nhà nước thu 30.000đồng/m² địa phương thu thêm 3.000đồng/m²; đối với những hộ cấp mới: Sau khi nhận đơn, Ban chỉ đạo phải báo cáo danh sách về UBND xã để được thống nhất trước khi thu tiền lệ phí cấp đất; Căn cứ vào quy hoạch đã được UBND thành phố duyệt, địa điểm giao đất, Ban chỉ đạo căn cứ vào địa bàn dân cư để giao đất cho các hộ đảm bảo tiện canh, tiện cư. Phương pháp giao đất ngoài thực địa là thực hiện ai ra trước nhận đất trước ai ra sau thì nhận đất sau không theo lô cũng không có quyết định và biên bản giao đất. Cụ thể hồ sơ thể hiện như sau:

[6]. Đối với nguyên đơn ông Trần Văn B: Theo danh sách các hộ được giao đất để làm nhà ở được ban hành kèm theo Quyết định số 567/QĐ-UB thì ông Trần Văn B có tên trong danh sách được giao diện tích đất 150m² có số thứ tự 22, số lô 22 tại khu Nam Mương, xã HP. Ông Trần Văn B đã nộp 4.950.000đồng. Ông Trần Văn B chưa được bàn giao đất ngoài thực địa.

[7]. Đối với ông Nguyễn Duy N: Theo Quyết định số 988/QĐ-UB ngày 23 tháng 9 năm 1994 của UBND thành phố Hải Phòng và Quyết định số 315/QĐ-UB ngày 22 tháng 11 năm 1994 của UBND huyện An Hải, ông Nguyễn Duy N được giao diện tích đất 150m² tại Khu Nam Mương thuộc thôn HL, xã HP. Sau khi nhận diện tích đất 150m² đất tại khu Nam Mương, thôn HL, do diện tích đất không phù hợp cho việc sử dụng nên ông N đã trả diện tích đất đã được giao cho UBND xã HP (hiện tại diện tích đất này do người khác quản lý, sử dụng). Năm 2000, ông Nguyễn Duy N đã có đơn đề nghị và được UBND xã HP nhất trí cấp đất cho ông N. Ban chỉ đạo thu tiền lệ phí cấp đất và giao đất ngoài thực địa cho ông N diện tích 150m² đo hiện trạng 152,9m² tại khu vực Nam Mương (khu xứ đồng 64) giáp đường 208 thuộc thôn Đ, xã HP, huyện A, thành phố Hải Phòng nay là 152,9m² đất thuộc lô số 03 tờ bản đồ số 24, thôn Đ, xã Hồng Phòng.(là diện tích đang tranh chấp) Sau khi được giao đất, ông N đã quản lý, sử dụng và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế nhà đất theo quy định.

[8]. Nội dung kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện A và lời khai của nguyên đơn ông Trần Văn B cho rằng UBND xã HP khi tổ chức thực hiện việc giao đất đã giao nhầm cho ông Trần Văn B và vợ là bà Vũ Thị Ninh sau đó

bà Ninh đã biết bị nhầm nên đã giao diện tích đất nói trên cho ông B vợ là M, xét thấy: Tại văn bản số 30/BC-UB ngày 06 tháng 5 năm 2020, UBND xã HP cho biết Hộ ông Trần Văn B và vợ là bà Vũ Thị N không có nhu cầu xin cấp đất làm nhà ở theo Quyết định số 567/QĐ-UB nên không có tên trong danh sách kèm theo do đó không nộp nghĩa vụ tài chính và không được giao đất. Trong khi đó lời khai của bà Ninh không thống nhất với nhau, bà N khai đã ra nhận đất song biết là nhầm nên đã giao lại đất cho ông B có vợ là M, lời khai sau lại khai có nhận được giấy mời của UBND xã biết là xã đã giao nhầm nên trả lại giấy mời cho xã ngay nên chưa nhận đất. Theo lời khai của một số cán bộ xã trong Ban chỉ đạo giao đất thì không có việc giao đất cho bà N; nguyên đơn ông B khai ông được ông Nguyễn Văn T - Nguyên Chủ tịch xã HP và ông Ngô Văn T - Nguyên Trưởng Ban Địa chính xã HP đồng ý giao bằng miệng cho gia đình diện tích đất (ông Thìn và ông Tuấn hiện đã chết). Ngoài lời trình bày, ông B, bà M cũng không có tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xác định Ban chỉ đạo đã giao diện tích 152,9m² đất thuộc lô số 03 tờ bản đồ số 24, tại địa chỉ thôn Đ, xã Hồng Phòng cho ông B có là vợ là bà N và bà Ninh đã giao lại diện tích đất được giao cho ông B vợ là bà M. Mặt khác, bà N không có thẩm quyền được giao đất.

[9]. Lý do nguyên đơn không ra nhận đất và nguyên nhân dẫn đến tranh chấp đất giữa nguyên đơn và bị đơn: Tại Biên bản họp ngày 23/10/2014 của UBND xã HP nội dung họp để giải quyết tranh chấp đất giữa ông B và ông N (BL số 276), đã kết luận: Ông B chưa nhận được giấy mời ra nhận đất vì do người đưa thư đã đưa nhầm nên gia đình ông B không biết, cho đến năm 2003 gia đình ông B mới đòi hỏi quyền lợi nhưng chưa đủ căn cứ và nội dung cuộc họp đã khẳng định lô đất số 03 là của ông N. UBND xã sẽ báo cáo huyện xác định lại và có biện pháp tìm đất cho ông B. Tại cuộc họp ông B đã thừa nhận chưa được giao nhận đất. UBND xã sẽ thành lập xác minh lại toàn bộ diện tích đất tại khu vực 64, các bên không được tranh chấp và không sử dụng diện tích đất này UBND xã sẽ quản lý. Như vậy, ông B đã thừa nhận chưa được giao đất theo Quyết định số 567/QĐ-UB ngày 06 tháng 4 năm 2000 của UBND thành phố Hải Phòng và ông B biết được quyền và lợi ích của mình bị xâm phạm nhưng ông không có ý kiến khiếu kiện đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết. Mặt khác, đối với UBND xã HP có lỗi khi thực hiện việc giao đất là đưa giấy mời ra nhận đất không đúng đối tượng và khi đã có tranh chấp giữa ông B và ông N từ năm 2008 thể hiện tại Biên bản ngày 17/11/2008 (BL số 152), UBND xã HP không báo cáo UBND huyện A sớm để giải quyết dứt điểm đây là nguyên nhân dẫn đến tranh chấp giữa ông B và ông N khiếu kiện kéo dài;

[10]. Xét về thẩm quyền giao đất: Như phân tích tại phần trên thì UBND huyện A phải ban hành quyết định giao đất cho từng hộ dân theo danh sách kèm theo Quyết định 567/QĐ-UB ngày 06 tháng 4 năm 2000 của UBND thành phố Hải Phòng. UBND xã HP đã thành lập Ban chỉ đạo để giao đất cho các hộ dân; khi giao

đất không có sự tham gia của UBND huyện AH và không có biên bản giao đất. Do đó việc giao đất của Ban chỉ đạo được thành lập theo quyết định số 23/QĐ-UB không đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 23, Điều 24, Điều 25 của Luật đất đai năm 1993, được sửa đổi năm 1998. Do vậy: Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trần Văn B và ông Nguyễn Duy N, Hội đồng xét xử cần kiến nghị với UBND huyện A và UBND xã HP xem xét giải quyết giao cấp đất cho ông Trần Văn B và ông Nguyễn Duy N theo Quyết định số 567/QĐ-UB ngày 06 tháng 4 năm 2000 của UBND thành phố Hải Phòng và Theo Quyết định số 988/QĐ-UB ngày 23 tháng 9 năm 1994 của UBND thành phố Hải Phòng và Quyết định số 315/QĐ-UB ngày 22 tháng 11 năm 1994.

[11]. Xét về tài sản là 01 móng nhà xây tường gạch papanh 220cm không trát; kích thước (5,5 + 4,4) x cao 01m trên diện tích 152,9m² đất lô số 03 tờ bản đồ số 24, thôn Đ, xã HP là do gia đình ông Trần Văn B xây dựng năm 2008 sẽ được giải quyết theo quyết định của Cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền.

[12]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Nguyễn Duy N đề nghị công nhận diện tích 152,9m² đất thuộc lô số 03 tờ bản đồ số 24, tại địa chỉ thôn Đ, xã Hồng Phòng, huyện A thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông N, Hội đồng xét thấy: Mặc dù ông N được Ban chỉ đạo giao đất, đã thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai nhưng như đã phân tích nêu trên thì việc giao đất của Ban chỉ đạo chưa đúng quy định của pháp luật nên cũng chưa đủ căn cứ để công nhận quyền sử dụng diện tích đất trên cho ông N. Tại cấp sơ thẩm, do ông N và vợ là bà Bích không có yêu cầu đề nghị Tòa án công nhận diện tích đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của gia đình ông N, bà Bích nên không thuộc phạm vi xét xử của Tòa án cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 270 và Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ những phân tích trên cho thấy, mặc dù nguyên đơn có tên trong Quyết định số 567/QĐ-UB ngày 06 tháng 4 năm 2000 của UBND thành phố Hải Phòng về việc duyệt kế hoạch sử dụng và giao đất cho nhân dân làm nhà ở tại xã HP, huyện An Hải năm 1999 (đợt 1), đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính nhưng theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị công nhận diện tích 152,9m² đất thuộc lô số 03 tờ bản đồ số 24, thôn Đ, xã HP, huyện A là thuộc quyền quản lý, sử dụng của nguyên đơn trong khi UBND huyện AH (nay là A) chưa ban hành quyết định giao đất và hơn nữa nguyên đơn ông Trần Văn B chưa được bàn giao đất ngoài thực địa nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xác định diện tích đất đang có tranh chấp thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Trần Văn B. Do vậy, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Văn B và kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 10/2020/DS-ST ngày 05/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

[13]. Về án phí: Do Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm d khoản 1 Điều 11 và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Văn B; không chấp nhận Kháng nghị số 03/QĐKNPT-VKS-DS ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 10/2020/DS-ST ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

Áp dụng khoản 9 Điều 26, Điều 147, Điều 228, Điều 293 và Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 246, 688 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 115, 235 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 23, 24 và 25 Đất đai năm 1993, sửa đổi năm 1998; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn B về yêu cầu Tòa án công nhận diện tích 152,9m² đất thuộc lô số 03, tờ bản đồ số 24 địa chỉ thôn Đ, xã HP, huyện A, thành phố Hải Phòng thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Trần Văn B.

2. Kiến nghị với Ủy ban nhân dân huyện A, Ủy ban nhân dân xã HP xem xét, giải quyết việc giao đất để làm nhà ở cho ông Trần Văn B và ông Nguyễn Duy N theo Quyết định số 567/QĐ-UB ngày 06/3/2000 và Quyết định số 988/QĐ-UB ngày 23/09/1994 của UBND thành phố Hải Phòng theo đúng thẩm quyền.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn B phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 9.375.000đ đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tiền số 0007461 ngày 05/01/2018 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện A, thành phố Hải Phòng. Trả lại cho ông Trần Văn B số tiền 9.075.000đ (*chín triệu, không trăm bảy mươi năm nghìn đồng*).

- Án phí phúc thẩm: Ông Trần Văn B phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tiền số 0012745, ngày 24/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, thành phố Hải Phòng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Thủy